

XEM SƠ ĐỒ ĐÀO TẠO v2

Hệ đào tạo

Niên khóa

Ngành

0 - Đại học chính quy

2022

901 - Công nghệ kỹ thuật môi trường - Cấp thoát nước - Môi trư

Xem

Xem danh mục môn tương đương 4 + 1

Chú thích:

Môn học bắt buộc trong nhóm tự chọn

Môn học chỉ dành cho chương trình cử nhân

Môn học chuyên sâu đặc thù

A.1 Lý luận chính trị

A.2 Khoa học xã hội

A.3 Khoa học tự nhiên

A.4 Ngoại ngữ

A.5 Kỹ năng hỗ trợ

1.6 Giáo dục thể chất

4.7 Giáo
dục quốc
phòng

A.8
Tin
hoc

Kiến

1 Kiến

2.2 Kiến thức chuyên ngành

B.2.3 Kiến nghị triển khai

thức tốt
h độ củ

C.1.2 Kiến thức nghiệp trình

Mã khối lớp: 220901; Số tín chỉ tích lũy cử nhân: 141; Số tín chỉ tích lũy kỹ sư: 163

HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	HK 7	HK 8	HK 9	HK 10
G01001 2(1,1,0) Cơ sở tin học 1	D01001 0(1,1,0) Bối lợi	900010 2(0,2,0) Autocad	306104 2(2,0,0) Chủ nghĩa Xã hội khoa học	P15C50 0(0,0,0) Chứng chỉ tiếng Anh	901094 3(3,0,0) Mạng lưới cấp và thoát nước	901019 3(3,0,0) Cấp thoát nước trong nhà	901130 6(0,6,0) Khóa luận tốt nghiệp	901137 12(0,12,0) Khóa luận tốt nghiệp	901CM7 2(0,0,2) Kỹ năng thực hành chuyên môn
D02031 0(3,0,0) Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1	G01M01 0(0,0,0) Chứng chỉ Microsoft Office (Microsoft Word)	G01M02 0(0,0,0) Chứng chỉ Microsoft Office (Microsoft Excel)	901087 2(2,0,0) Địa chất công trình và địa chất thủy văn	P15C55 0(0,0,0) Chứng chỉ tiếng Anh	L00050 4(0,4,0) Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	901126 2(2,0,0) Kinh tế xây dựng	901CM6 1(0,0,1) Kỹ năng thực hành chuyên môn		901138 8(0,8,0) Tập sự nghề nghiệp
D02032 0(2,0,0) Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 2	G01002 2(1,1,0) Cơ sở tin học 2	901085 2(2,0,0) Cơ học kỹ thuật: Tĩnh học	902081 3(2,1,0) Phân tích môi trường	901093 2(2,0,0) Công trình thu nước và trạm bơm	901128 2(2,0,0) Quy hoạch hạ tầng đô thị	901095 2(2,0,0) Quản lý mạng lưới cấp thoát nước	901131 3(0,3,0) Tập sự nghề nghiệp		
D02033 0(1,1,0) Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 3	901082 2(2,0,0) Hóa đại cương 2	902069 2(2,0,0) Độc học môi trường	902052 3(3,0,0) Quá trình công nghệ môi trường	306105 2(2,0,0) Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	902110 2(0,2,0) Thí nghiệm sinh học môi trường	901127 2(2,0,0) Sinh thái môi trường ứng dụng			
D02034 0(0,2,0) Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 4	901122 1(0,1,0) Thí nghiệm Hóa đại cương	903119 2(2,0,0) Hệ thống tiêu chuẩn quốc tế về an toàn, sức khỏe và môi trường	901080 2(2,0,0) Thủy động lực học	L00041 0(0,0,0) Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3	901036 3(2,1,0) Ứng dụng tin học trong ngành cấp thoát nước				
901124 2(2,0,0) Giới thiệu ngành Công nghệ Kỹ thuật môi trường	P15011 5(5,0,0) Tiếng Anh 1	901125 2(2,0,0) Hóa kỹ thuật môi trường	901088 2(2,0,0) Thủy văn môi trường	902056 2(2,0,0) Phương pháp tính toán trong kỹ thuật môi trường	901031 3(3,0,0) Xử lý nước thải				
901081 2(2,0,0) Hóa đại cương 1	P15012 5(5,0,0) Tiếng Anh 2	306103 2(2,0,0) Kinh tế chính trị Mác-Lênin	P15014 5(5,0,0) Tiếng Anh 4	902111 1(0,1,0) Thí nghiệm quá trình công nghệ môi trường					
L00019 0(0,0,0) Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 1	306102 3(3,0,0) Triết học Mác - Lênin	L00033 0(0,0,0) Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2	902050 2(2,0,0) Truyền thông chuyên nghiệp cho kỹ sư	901092 2(2,0,0) Thiết kế hệ thống thủy lực					

L00047	0(0,0,0)
Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Kỹ năng 5S và Kaizen	
L00048	0(0,0,0)
Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Kỹ năng ra quyết định	
L00049	0(0,0,0)
Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Kỹ năng chuyển hóa cảm xúc	
L00051	0(0,0,0)
Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Khởi nghiệp	

901132	2(2,0,0)
Chuyên đề kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững	
901133	2(2,0,0)
Chuyên đề quản lý rủi ro an toàn sức khỏe nghề nghiệp và môi trường	
901134	2(2,0,0)
Chuyên đề biến đổi khí hậu: giảm thiểu và thích ứng	
901135	2(2,0,0)
Chuyên đề xây dựng và quản lý dự án môi trường	
901136	2(2,0,0)
Chuyên đề nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực khoa học và kỹ thuật môi trường	

Nhóm tự chọn 2 (25838_220901)	
901032	2(0,2,0)
Thực hành lắp đặt đường ống cấp thoát nước và thiết bị vệ sinh trong công trình	
901033	2(0,2,0)
Thực hành lắp đặt, vận hành máy bơm	
901043	2(0,2,0)
Thực hành lắp đặt đường ống cấp thoát nước ngoài nhà	